TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DS-ST
Ngày: 18/4/2019.
"V/v: TrA chấp về hợp đồng vay tài sản "

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lành.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thu Nhi.
2. Bà Võ Thị Cảnh.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát: Ông Lê Văn Bảy – Kiểm sát viên.

Ngày 18/4/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kbang, Toà án nhân dân huyện Kbang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 100/2018/TLST-DS ngày 04/12/2018. Về: ***"Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"***, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-DS ngày 25/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST- DS ngày 25/3/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Cao Thị B, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Tổ dân phố h, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.
- *Bị đơn*: Chị Hà Thị Minh A, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Tổ dân phố g, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Chị B có mặt tại phiên tòa; chị A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Cao Thị B trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ chị em đã quen biết nhau từ lâu, nên vào ngày 21/9/2017 (tức ngày 2 tháng 8 âm lịch), chị Hà Thị Minh A có đến nhà chị chơi và đặt vấn đề mượn số tiền là 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*) để mua bán hàng nông sản, chị A nói "*Khi nào chị cần thu hồi nợ chị báo trước vài ba tuần để em thu xếp tiền trả cho chị*" nên chị đồng ý cho chị A mượn tiền. Khi mượn tiền chị A đã tự nguyện viết nội dung vào giấy mượn tiền trên mẫu đã đánh máy sẵn do chị A cung cấp, có nội dung mượn chị số tiền là 40.000.000 đồng. Chị đã cung cấp Giấy mượn tiền cho Tòa án làm chứng cứ khởi kiện. Khi chị cần tiền vì thời gian cho mượn cũng đã lâu rồi, chị đã nhiều lần trực tiếp gặp chị A để yêu cầu chị A lo thu xếp trả nợ cho chị nhưng chị A cứ khất nợ hết lần này đến lần khác mà không trả tiền cho chị. Đến ngày 04/12/2019, chị đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Kbang, yêu cầu chị A phải trả cho chị số tiền nợ trên.

Tại phiên tòa hôm nay, chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi chị A phải trả cho chị số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng *(bốn mươi triệu đồng)* với phương thức trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn còn yêu cầu: Kể từ ngày người được thi hành án (Cao Thị B) có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi người phải thi hành án (Hà Thị Minh A) thi hành án xong khoản tiền nợ 40.000.000 đồng, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn chị Hà Thị Minh A:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án nhân dân huyện Kbang đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập làm Bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa, để chị A thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn, nhưng chị A chỉ trực tiếp nhận Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, còn các lần triệu tập khác chị đều vắng mặt, không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Mặc dù, tại các thời điểm Tòa án thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thì chị A đều có mặt tại địa phương nhưng không thường xuyên có mặt tại nơi cư trú, cố tình trốn tránh nhận trực tiếp các văn bản tố tụng trên, không cung cấp chứng cứ, không trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, đồng thời xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Kiểm sát viên phiên tham gia tố tụng tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Tòa án thụ lý vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" của nguyên đơn Cao Thị B đối với bị đơn Hà Thị Minh A là đúng thẩm quyền của Tòa án, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp, đúng địa vị pháp lý của các đương sự trong vụ án; đã tiến hành thủ tục thụ lý vụ án, thủ tục hòa giải và chuẩn bị xét xử, thủ tục tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và lập hồ sơ vụ án theo đúng quy định tại các Chương X, XII, XIII của BLTTDS.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc vay (mượn) tiền giữa bị đơn Hà Thị Minh A với nguyên đơn chị Cao Thị B thuộc trường hợp vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi. Nguyên đơn đã nhiều lần trực tiếp thông báo việc đòi nợ nhưng bị đơn Hà Thị Minh A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả nợ số tiền nợ 40.000.000 đồng là có căn cứ.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án và thực tế diễn biến tại phiên tòa hôm nay, áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, 93, 94, 143, khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 147 BLTTDS năm 2015; các Điều 357, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH 14, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ số tiền đã mượn 40.000.000 đồng; bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

TrA chấp phát sinh giữa nguyên đơn chị Cao Thị B và bị đơn chị Hà Thị Minh A là chấp phát sinh từ quan hệ pháp luật vay tài sản, cụ thể là quan hệ giữa bên cho vay là chị B và bên vay là chị A. Quan hệ này được lập thành văn bản, với thời hạn cho vay là không kỳ hạn và không có lãi, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật bảo vệ. Chị B là chủ thể có quyền lợi bị vi phạm nên được quyền khởi kiện. Điều kiện khởi kiện của nguyên đơn được đảm bảo nên được xem xét và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, Gia Lai. Tòa án nhân dân huyện Kbang đã thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"*, được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai thông báo, tống đạt (niêm yết) hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập chị A đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn nhưng chị A đều vắng mặt, không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ vay tài sản giữa người cho vay là chị B và người vay là chị A được thực hiện giao kết hợp đồng dân sự là việc bên vay và bên cho vay cùng xác lập bằng 01 Giấy mượn tiền, đề ngày 02/8/2017 âm lịch. Bản chính của Giấy mượn tiền, nguyên đơn đã nộp cho Toà án làm chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Giấy mượn tiền được viết trên mẫu đánh sẵn có nội dung: *"Giấy mượn tiền; Tôi tên: Hà Thị Minh A...Địa chỉ thường trú: Tổ I, Thị Trấn Kbang…Hôm nay ngày 2 tháng 8 năm 2017….. Tại nhà chị B .. tôi có mượn của ông (bà)…..với số tiền là 40.000.000…. Bằng chữ: bốn mươi triệu. Thời hạn mượn từ ngày 2 tháng 8 năm 2017 đến ngày….." ngày 2 tháng 8 năm 2017 Al. Người mượn tiền: Ký, ghi rõ họ tên Hà Thị Minh A. Chủ nợ ký, ghi rõ họ tên B, Cao Thị B".*

HĐXX xem xét và thấy hoàn toàn phù hợp với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên chứng cứ trên được HĐXX chấp nhận.

Bị đơn chị Hà Thị Minh A, trong quá trình giải quyết vụ án đều có mặt tại nơi địa phương nơi cư trú, nhưng đều cố tình vắng mặt, không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ, không trình bày quan điểm của mình để chứng minh cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, điều này đã mặc nhiên thể hiện bị đơn hiện vẫn còn nợ nguyên đơn số tiền như đã ghi nhận trong giấy mượn tiền mà hai bên đã tự nguyện xác lập ghi ngày 21/9/2017 (tức ngày 2 tháng 8 âm lịch).

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 463, 466 và 469 của Bộ luật dân sự năm 2015, HĐXX cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Thị B, buộc bị đơn chị Hà Thị Minh A phải trả cho chị B số tiền nợ gốc

40.000.000 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của chị B được chấp nhận toàn bộ nên chị không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị B toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 40.000.000 đồng x 5% = 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26; 35; 91; 93; 94; 95; 108, 144, 147; 227; 228 và 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Thị B, buộc bị đơn chị Hà Thị Minh A phải trả cho nguyên đơn chị Cao Thị B số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án (Cao Thị B) có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi người phải thi hành án (Hà Thị Minh A) thi hành án xong khoản tiền 40.000.000 đồng nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn chị Hà Thị Minh A phải chịu 2.000.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho nguyên đơn chị Cao Thị B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Toà án số 0006717 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 18/4/2019*), nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
-TA tỉnh Gia Lai;
-VKS Kbang;
-THA Kbang;
-Các đương sự;
-Lưu HSVA,VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐỖ THỊ LÀNH